

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ lực cầu quay trở lại sau khi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (HCDC) cho biết không phát sinh ổ dịch mới trên địa bàn thành phố

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

PNJ, FPT

## [Cập nhật công ty]

DGW

## [Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì các vị thế đã mở trong những phiên trước, tránh mua đuổi và có thể nâng thêm 1 phần tỷ trọng nếu chỉ số về lại vùng hỗ trợ đã đề cập

22/07/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,293.67	+1.80
VN30	1,428.48	+1.56
HĐTL VN30F1M	1,427.10	+1.79
HNXIndex	305.97	+1.72
HNX30	478.35	+2.28
UPCoM	85.57	+1.51
USD/VND	23,045	+0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.16	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.88	+14
Dầu (WTI, \$)	70.84	+0.77
Vàng (LME, \$)	1,797.75	-0.33



# Điểm nhấn thị trường

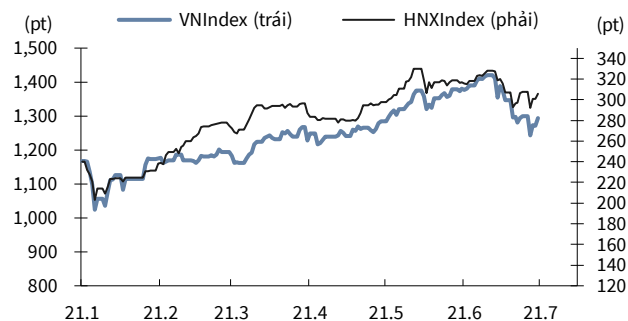
**VNIndex** 1,293.67 (+1.80%)  
**KLGD (triệu CP)** 536.4 (+38.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 695.1 (-10.5%)

**HNXIndex** 305.97 (+1.72%)  
**KLGD (triệu CP)** 97.3 (+52.9%)  
**GTGD (triệu US\$)** 59.6 (-33.7%)  
**UPCoM** 85.57 (+1.51%)  
**KLGD (triệu CP)** 46.3 (+34.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 28.1 (-10.9%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -21.6

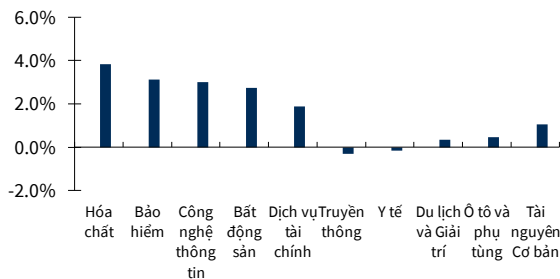
TTCK Việt Nam tăng điểm nhờ lực cầu quay trở lại sau khi Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Hồ Chí Minh (HCDC) cho biết không phát sinh ổ dịch mới trên địa bàn thành phố. Bộ Tài Chính cho biết 6 tháng đầu năm, doanh thu phí bảo hiểm đạt 96,800 tỷ đồng (+16.2% YoY), giúp cổ phiếu ngành bảo hiểm tăng ở BVH (+2.6%), BIC (+3.9%). Hiệp hội Bất động sản Việt Nam cho biết thị trường bất động sản 6 tháng cuối năm có khả năng tăng trưởng ít nhất 25-30% YTD khi dịch bệnh được kiểm soát, giúp giá cổ phiếu ngành bất động sản tăng ở VHM (+2.8%), KDH (+7%). Giá phân bón tiếp tục tăng do hàng loạt nhà máy sản xuất ammoniac tại Trung Đông, Vịnh Hoa Kỳ, Trinidad và Australia phải tạm dừng hoạt động do dịch bệnh, giúp giá cổ phiếu ngành phân đạm tăng ở DCM (+4.6%), LAS (+3.2%). Khối ngoại bán ròng ở VIC (+2.1%), KDH (+7%), MSB (+0.4%).

## VNIndex & HNXIndex



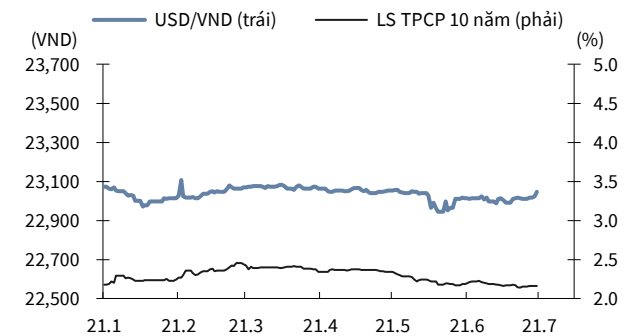
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



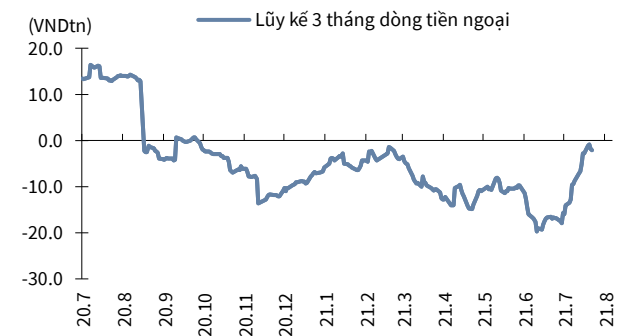
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



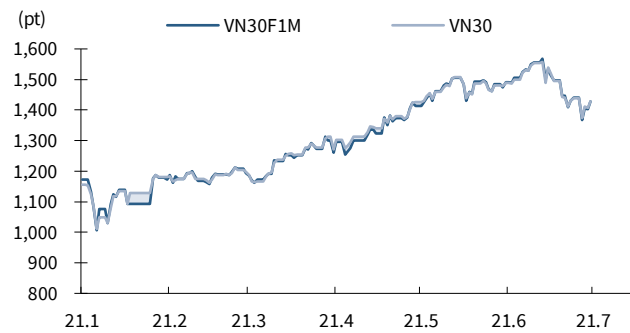
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,428.48 (+1.56%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,427.1 (+1.79%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,404.6</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,437.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,402.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>244,599 (-31.9%)</b>

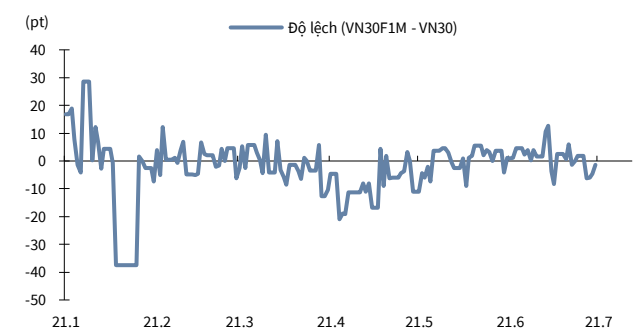
Các HĐTL đồng loạt tăng điểm trong phiên giao dịch hôm nay, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2108 và VN30 mở cửa ở mức -4.5, sau đó giao động với biên độ -3.2 và 6.0 trong phiên trước khi đóng cửa ở mức -1.4. NĐTNN mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản giảm nhẹ.

### HĐTL VN30F1M & VN30



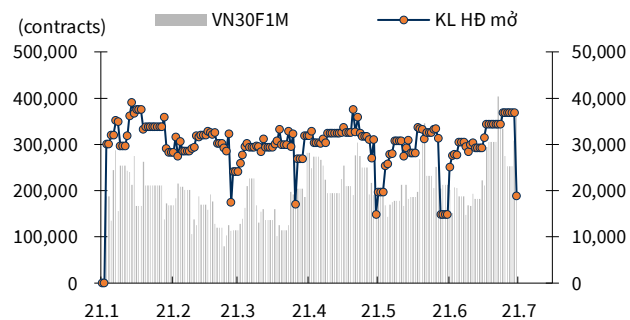
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



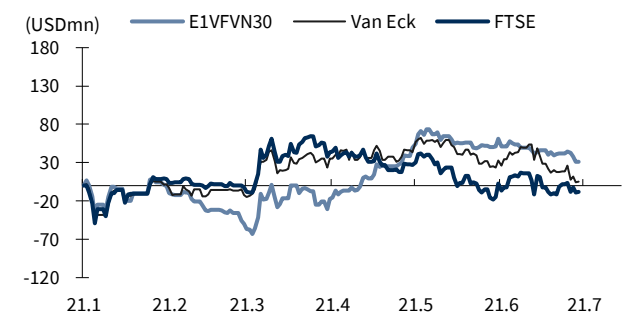
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

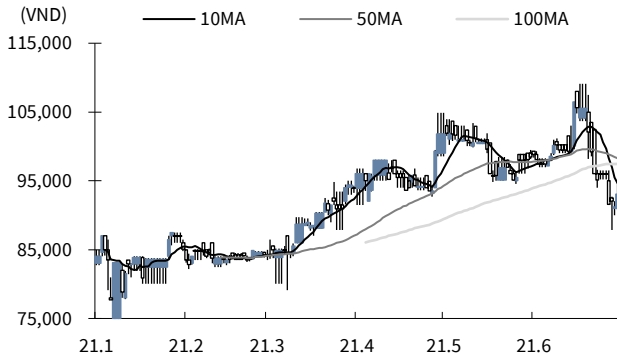
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

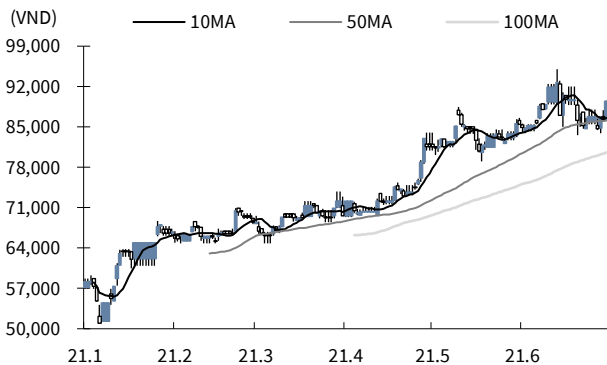
## Phú Nhuận (PNJ)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PNJ tăng 2.1% lên 93,100 VNĐ/cp.
- PNJ thông báo lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt 736 tỷ đồng (+67.4% YoY) và doanh thu đạt 11,637 tỷ đồng (+50% YoY). Trong đó, doanh thu kênh bán lẻ của PNJ tăng 47%, kênh bán sỉ tăng 29%, vàng miếng tăng 73% và nhờ triển khai dịch vụ giao hàng 4h tại nhiều khu vực giúp kênh online tăng trưởng 317% cùng kỳ.

## Tập đoàn FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 3.2% lên 89,400 VNĐ/cp.
- FPT thông báo lợi nhuận 6 tháng đầu năm đạt 2,936 tỷ đồng (+20.9% YoY) và doanh thu đạt 16,228 tỷ đồng (+19.2% YoY).
- FPT cho biết động lực tăng trưởng chính tới từ nhu cầu gia tăng mảng công nghệ và cải thiện biên lợi nhuận tại mảng viễn thông.

# CTCP Thế giới số (DGW)

## Tiếp tục mở rộng phân phối nhiều nhãn hàng mới

Chúng tôi đã tham gia sự kiện Analyst Meeting Q2/2021 và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD sơ bộ quý 2/2021 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

### Kết quả kinh doanh quý 2/2021 và lũy kế 6 tháng đầu năm ấn tượng

- Doanh thu Q2/2021 đạt 4,218 tỷ đồng (63% YoY), lũy kế 6 tháng đầu năm doanh thu đạt 9,225 tỷ đồng (tương đương 61% kế hoạch cả năm). Lợi nhuận ròng ở mức 223 tỷ đồng (139% YoY) và đã hoàn thành 74% kế hoạch lợi nhuận cả năm.
- Biên lợi nhuận gộp được cải thiện đáng kể nhờ gia tăng tỷ trọng bán các mặt hàng có biên gộp cao như máy tính xách tay và thiết bị văn phòng. Theo tổng hợp của DGW, biên lợi nhuận gộp sau 6 tháng 2021 đạt 7.2% và biên lợi nhuận ròng đạt 2.8% (+0.9 điểm % yoy).
- Nhóm hàng thiết bị văn phòng tiếp tục tăng trưởng mạnh với tổng doanh thu ở mức 663 tỷ đồng (122% YoY) riêng trong quý 2. Các sản phẩm đóng góp doanh thu chính là IOTs (141 tỷ đồng) và các loại sạc dự phòng, adapter (154 tỷ đồng).
- Nhóm hàng tiêu dùng chiếm tỷ trọng doanh thu nhỏ (lũy kế 160 tỷ trong 6T2021 – chiếm 1,7% tổng doanh thu). DGW kì vọng tương lai nhóm hàng này sẽ đem lại doanh thu cao hơn với thị trường tương đối tiềm năng.

### Triển vọng tăng trưởng trong các năm tới vẫn rất sáng sủa

- DGW dự kiến sẽ trở thành nhà phân phối độc quyền của một nhà sản xuất đồ điện gia dụng của Mỹ với các sản phẩm như: máy giặt, tủ lạnh, máy rửa bát,... Dự kiến, hoạt động này sẽ bắt đầu đem lại doanh thu từ 2022.
- Thị trường máy tính xách tay dự kiến vẫn sẽ tăng trưởng tốt trong nửa cuối năm 2021 trước tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp, nhu cầu học tập và làm việc từ xa tăng cao.
- Kì vọng vào tăng trưởng doanh thu từ điện thoại di động vẫn tăng nhẹ trong nửa cuối năm 2021 do (1) Nhu cầu thay thế các loại điện thoại feature phones bằng smartphones sau khi tắt sóng 2G vào 2022, (2) kì vọng vào việc lấy thêm được thị phần từ các loại hàng điện thoại di động xách tay, (3) thương hiệu Xiaomi (DGW độc quyền phân phối) tiếp tục gia tăng thị phần trên thị trường điện thoại di động toàn cầu.
- Tiếp tục mở rộng thêm danh mục sản phẩm điện tử/điện gia dụng như nồi chiên không dầu, màn hình máy tính từ thương hiệu Xiaomi và các loại adapter, dây sạc, cổng chuyển đổi từ thương hiệu Choetech.
- Kế hoạch doanh thu trong Q3/2021 ở mức 4,500 tỷ đồng, lợi nhuận đạt 121 tỷ đồng với nhóm sản phẩm chính đem lại doanh thu là máy tính xách tay và điện thoại di động.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Chỉ số VNIndex đã sớm lấy lại đà hồi phục sau nhịp rung lắc nhẹ vào đầu phiên và dần mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Sau nhịp hồi phục khá tích cực từ đáy ngắn hạn, chỉ số có thể sẽ gặp phải áp lực điều chỉnh khi tiếp cận vùng kháng cự kế tiếp quanh 1305 (+5). Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng VNIndex sẽ nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ quanh 1279 (+5) và vẫn còn nhiều cơ hội mở rộng thêm đà hồi phục sau đó.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì các vị thế đã mở trong những phiên trước, tránh mua đuổi và có thể nâng thêm 1 phần tỷ trọng nếu chỉ số về lại vùng hỗ trợ đã đề cập.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1446 – 1451

Kháng cự gần: 1440 – 1442

Hỗ trợ gần: 1415 – 1417

Hỗ trợ xa: 1405 – 1410

- F1 tăng điểm tích cực từ đầu phiên với biên độ mở rộng trước khi rung lắc và đánh mất một phần điểm số đạt được về cuối phiên.
- Sau 1 nhịp tăng mạnh, chỉ số có thể sẽ gặp rung lắc tại vùng kháng cự kế tiếp tại 144x. Mặc dù vậy trong kịch bản đó, chúng tôi cho rằng F1 sẽ nhận được lực đỡ tại vùng hỗ trợ quanh 1411 (+5) và vẫn còn nhiều cơ hội mở rộng thêm đà hồi phục sau đó.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế đã mở hoặc gia tăng thêm một phần tỷ trọng tại vùng hỗ trợ sâu.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

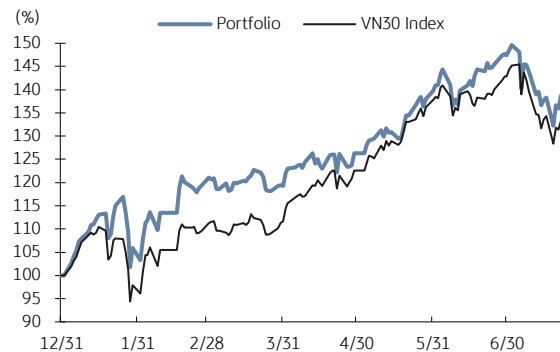
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.56%	2.09%
Tăng lũy kế (YTD)	33.41%	38.77%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/07/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	165,200	1.1%	42.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	40,000	4.8%	63.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	93,100	2.1%	21.5%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,350	1.3%	125.2%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	52,800	1.1%	55.3%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	89,400	3.2%	207.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,500	2.0%	77.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	89,400	2.3%	21.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	47,200	1.0%	226.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	33,100	2.0%	141.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	1.8%	55.1%	51.8
NVL	1.8%	9.3%	46.4
DXG	6.6%	28.4%	44.0
FUEVFNVD	1.1%	99.5%	43.0
VHM	2.8%	23.2%	36.1

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	2.1%	15.8%	-429.3
KDH	7.0%	33.0%	-129.6
MSB	0.4%	30.0%	-91.8
SSI	1.4%	48.7%	-53.1
CTG	2.0%	24.6%	-50.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXS	2.7%	18.0%	10.6
BVS	2.6%	9.3%	2.9
PVS	5.7%	7.8%	2.6
NVB	2.9%	8.7%	0.6
VCS	0.3%	4.0%	0.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NTP	0.4%	19.3%	-4.4
S99	2.5%	1.0%	-0.7
KHG	-9.8%	0.0%	-0.7
VND	4.4%	16.3%	-0.5
PAN	3.4%	34.2%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	3.8%	FPT, SAM
Hóa chất	3.4%	GVR, DGC
Thực phẩm và đồ uống	2.0%	MSN, VNM
Bất động sản	1.9%	VIC, VHM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.7%	GMD, LGC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-2.5%	VCB, VPB
Dịch vụ tài chính	-1.6%	VCI, SSI
Du lịch và Giải trí	-1.3%	HVN, VJC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.9%	GAS, POW
Dầu khí	-0.9%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	12.0%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	4.1%	FPT, ITD
Thực phẩm và đồ uống	-1.0%	MSN, VCF
Dịch vụ tài chính	-1.3%	SSI, HCM
Y tế	-3.7%	PME, TRA

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-12.3%	YEG, ADG
Dầu khí	-10.7%	PLX, PVD
Bảo hiểm	-9.0%	BVH, MIG
Ngân hàng	-8.8%	VCB, CTG
Ô tô và phụ tùng	-8.5%	SVC, HAX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐTỷ, USDmn)	GTGD (VNĐTỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	242,693 (10.5)	22.5	57.7	56.9	14.7	7.2	8.2	4.0	3.7	2.1	4.1	-9.6	-1.8
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	474,225 (20.6)	26.6	11.9	10.5	35.9	31.7	27.5	3.2	2.5	2.8	0.6	-0.4	24.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	128,616 (5.6)	17.8	23.0	18.7	-7.6	8.9	10.1	2.1	1.8	2.9	0.7	-	-10.2
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	383,653 (16.7)	31.3	28.4	31.1	6.7	16.2	13.0	4.5	4.4	1.7	0.9	-7.6	118.1
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	119,458 (5.2)	11.6	20.3	15.0	18.0	14.2	17.0	2.7	2.3	7.0	7.8	5.1	47.2
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	157,263 (6.8)	13.9	12.9	7.8	-	14.0	18.2	1.5	1.3	6.6	-1.6	-	37.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	211,487 (9.2)	6.3	16.2	13.9	11.7	22.1	21.4	3.2	2.6	1.3	-2.1	-6.8	2.5
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	146,945 (6.4)	12.7	17.5	12.8	-5.3	11.9	14.5	1.8	1.6	0.7	-4.0	-8.9	-14.4
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	1,320,085 (57.4)	0.0	11.0	9.4	14.3	19.9	19.2	2.0	1.6	1.6	-1.9	0.4	62.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	849,526 (36.9)	1.4	7.3	6.5	61.1	20.4	19.7	1.3	1.1	2.0	-4.3	-	25.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	1,278,476 (55.6)	0.0	10.7	10.2	18.8	25.5	18.5	2.0	1.7	0.8	-5.0	-7.9	87.1
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	829,546 (36.0)	0.0	8.3	7.2	14.6	21.3	20.7	1.5	1.3	1.3	-3.2	-8.9	67.9
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	140,679 (6.1)	4.2	9.4	7.8	23.3	21.2	20.1	1.8	1.5	0.6	-2.4	-5.7	36.4
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	877,208 (38.1)	14.0	21.5	14.4	26.5	8.9	11.8	1.7	1.5	0.5	-2.8	-7.3	65.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	187,009 (8.1)	0.0	8.1	6.7	37.5	22.0	21.4	1.6	1.3	2.3	0.4	-4.5	26.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	15,903 (0.7)	0.2	39.1	21.2	27.3	5.8	10.0	1.9	1.8	4.9	-0.4	-8.6	40.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	64,654 (2.8)	21.0	22.0	19.5	15.2	8.4	9.0	1.8	1.7	2.6	0.6	-	-23.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	20,383 (0.9)	14.2	14.8	15.1	9.1	11.4	11.7	1.6	1.5	6.9	6.6	7.5	33.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	711,408 (30.9)	55.4	26.0	21.2	-3.2	14.1	14.5	3.8	3.5	1.4	-2.8	5.5	57.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	167,860 (7.3)	71.9	16.2	11.9	-4.0	22.5	25.3	3.2	2.8	1.0	-6.6	-5.7	70.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	291,138 (12.7)	52.4	18.8	14.2	-25.5	19.1	21.4	3.1	2.8	1.2	-3.2	4.8	48.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	292,901 (12.7)	27.2	16.4	15.4	36.3	21.3	17.0	2.8	2.5	4.3	4.9	2.6	130.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	274,796 (11.9)	42.1	17.8	16.8	4.0	33.9	34.5	5.5	5.3	1.8	1.9	-4.2	-20.2
	SAB	SAIGON BEERALCO	192,500	123,447 (5,365)	21,969 (1.0)	36.9	20.4	17.7	7.3	23.2	23.6	4.3	3.9	-0.3	-2.3	-6.5	-19.8
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	181,732 (7.9)	16.5	52.3	30.3	-51.9	12.9	17.9	7.1	5.7	0.7	6.9	13.3	38.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	91,024 (4.0)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	3.9	-5.8	-	-42.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,212 (3.2)	11.0	152.0	23.3	-88.5	3.8	16.6	3.3	2.7	0.0	-0.7	-0.9	-8.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	111,724 (4.9)	10.8	25.9	18.0	-57.0	8.7	12.1	2.1	1.9	1.2	7.9	0.1	33.7
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	42,105 (1.8)	38.4	12.8	7.7	65.7	6.5	9.9	0.9	0.9	1.9	3.5	-	-23.8
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	89,177 (3.9)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.0	-4.9	-	97.6
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	134,066 (5.8)	37.7	15.2	10.6	-12.7	12.7	13.8	-	-	0.9	-3.8	-5.3	19.3
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	20,027 (0.9)	3.6	13.6	12.1	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	1.0	-0.5	-4.0	-22.5
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	31,738 (1.4)	0.0	9.0	7.3	-4.5	13.4	15.2	1.1	1.1	1.1	3.1	-8.3	7.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	1D	1W	1M	YTD			
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	89,448 (3.9)	46.1	17.5	15.4	-17.5	19.4	20.4	3.2	3.0	2.3	-1.2	-5.8	3.2	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	7,164 (0.3)	31.4	12.6	8.4	-10.5	9.0	15.3	1.2	1.2	1.1	-3.4	12.7	-24.6	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,368 (0.3)	34.1	9.3	9.7	-5.1	11.1	13.3	1.3	1.3	-0.2	-1.9	-7.2	-5.7	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,558,728 (67.7)	18.0	7.6	7.2	21.9	39.0	28.9	2.4	1.8	1.0	1.5	-8.7	53.7	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	48,865 (2.1)	36.5	10.0	13.7	-0.5	11.0	7.8	1.0	1.0	2.1	7.0	-3.1	17.6	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	68,358 (3.0)	46.5	16.2	16.6	-4.5	10.1	9.1	1.5	1.4	4.6	5.8	-8.1	30.0	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	455,514 (19.8)	38.9	5.3	6.9	67.9	43.0	23.9	1.9	1.4	1.4	0.8	-	13.2	80.3
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	192,500 (8.4)	97.2	10.2	11.0	17.2	10.5	11.0	1.0	1.0	3.2	0.0	-	18.2	10.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	104,187 (4.5)	4.6	18.4	15.5	-51.0	16.0	16.7	2.6	2.6	1.8	0.0	-	13.1	-6.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	141,917 (6.2)	39.9	39.2	16.4	-11.9	1.4	3.5	0.5	0.5	2.3	-7.7	-	24.9	10.5
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	83,204 (3.6)	35.9	8.5	8.0	1.2	13.6	13.4	1.2	1.1	3.7	-2.7	-	14.2	29.6
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	161,180 (7.0)	0.0	15.5	12.8	13.7	26.6	26.7	3.9	3.1	1.1	-1.1	13.2	38.9	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	69,211 (3.0)	0.0	16.1	12.6	2.4	23.8	23.8	3.4	2.8	2.1	-2.1	-5.5	14.9	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,234 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.0	0.9	23.4	-64.5	
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	67,515 (2.9)	30.3	25.1	17.6	-75.2	8.5	11.8	2.1	2.0	4.2	13.6	20.1	4.7	
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	40,420 (1.8)	34.6	7.8	11.1	41.2	26.2	19.9	1.9	2.0	1.5	1.1	-	13.3	-21.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,666 (0.1)	45.4	16.7	15.5	10.7	20.3	20.2	3.2	2.9	0.5	1.6	-2.4	-10.1	
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	052 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	0.0	0.0	9.8	
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	252,676 (11.0)	0.0	19.8	16.5	15.6	25.0	25.8	4.4	3.8	3.2	4.7	4.7	74.0	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

### LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.